TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã TP 2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Lê Văn P, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã TP 2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Chị và anh Lê Văn P cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, trước khi tiến tới hôn nhân có tìm hiểu trước. Sau khi cưới vợ chồng chị sống bên gia đình anh P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng anh P thường xuyên ăn chơi, bỏ bê gia đình, không chăm lo cho con cái nên vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh P không bỏ, anh P còn nhiều lần đánh và chửi chị, kể cả chửi gia đình của chị, nên từ năm 2016 thì chị đã đem theo con về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, trong thời gian vợ chồng không còn sống chung thì hai vợ chồng cũng không có gặp nhau để hàn gắn lại. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn P.

Về con chung: Có 01 con chung tên L T N Y, sinh ngày 02/9/2006, hiện cháu N Y đang sống chung với chị, nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh P chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh P chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Văn P, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 07/8/2017 cháu L T N Y trình bày: "Ba với mẹ ly hôn, nguyện vọng con ở với mẹ".

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T; về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi con chung tên L T N Y, sinh ngày 02/9/2006, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung, không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lê Văn P là hôn nhân hợp pháp, trước khi tiến tới hôn nhân có tìm hiểu trước, có

đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị T tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của chị và anh P không hạnh phúc, anh P thường xuyên ăn chơi, không quan tâm đến gia đình và con cái, mặc dù chị nhiều lần khuyên can nhưng anh P vẫn không thay đổi, mà còn mắng chửi và đánh đập chị T, kể cả mắng chửi cha mẹ của chị T; mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng cũng không có gặp nhau để hàn gắn lại. Đối với anh P thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh đến để Tòa án hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh vẫn cố tình không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T và anh P hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thùy T ly hôn anh Lê Văn P.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên L T N Y, sinh ngày 02/9/2006, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N Y từ khi sinh ra cho đến nay đều do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và để ổn định việc sinh hoạt của cháu, cũng như phù hợp với ý nguyện của cháu là muốn được sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N Y của chị T và không buộc anh P cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh P không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lê Văn P.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy T.

2.1. Chị Nguyễn Thị Thùy T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu L T N Y, sinh ngày 02/9/2006.

2.2. Anh Lê Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Văn P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 05618 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã Thường Phước 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Lương Bằng